TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO THẮNG** TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DS-ST
Ngày 08-5-2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết
2. Ông Lê Xuân Cương

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Giang Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2019/TLST- DS ngày 03 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST- DS ngày 03 tháng 4 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Hồng H

Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện B, tỉnh Lào Cai

(Theo quyết định số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án)

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Đình L

Chức vụ: Trưởng phòng tín dụng Ngân hàng N chi nhánh huyện B, tỉnh Lào Cai

(Theo giấy ủy quyền ngày 24/12/2018)

Ông Nguyễn Đình L có mặt.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị Hồng N - sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai

Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Công T - sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai
Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/12/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Đình L trình bày:

Ngày 23/8/2018 chị Phạm Thị Hồng N ký hợp đồng tín dụng số 8807 LAV 2018 01967 vay vốn Ngân hàng N chi nhánh huyện B, tỉnh Lào Cai (sau đây gọi là Ngân hàng). Theo hợp đồng, chị N vay tiền Ngân hàng để thực hiện thanh toán tiền mua vật liệu xây dựng bếp và công trình phụ của gia đình, thời hạn vay là 05 năm, cùng ngày chị N ký giấy nhận nợ số tiền 200.000.000 đồng, thanh toán tiền gốc 3.000.000 đồng mỗi tháng và thanh toán lãi vào ngày 28 hàng tháng, lãi suất vay trong hạn là 10,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Để bảo đảm tiền vay, chị N cùng chồng là anh Trần Công T ký hợp đồng thế chấp số 8807-LCL - 201801708 ngày 20/8/2018 thế chấp tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 27a tờ bản đồ P1-1 diện tích 75m^2 tại Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. Đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ bà Trần Thị H, đã được sang tên cho chị N anh T ngày 09/12/2016. Trên đất có 01 nhà xây cấp IV diện tích 70m^2. Theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp, Ngân hàng cho vay có tài sản bảo đảm là 165.450.000 đồng, cho vay không có bảo đảm bằng tài sản là 34.550.000 đồng.

Ngân hàng đã giải ngân tiền cho chị N đúng theo thỏa thuận. Ngày 28/9/2018 chị N trả nợ gốc 3.000.000 đồng và lãi. Từ ngày 28/10/2018 chị N không trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo về việc quá thời hạn trả nợ và yêu cầu chị N anh T thanh toán nợ nhưng anh chị không thanh toán. Chị N đã vi phạm điểm đ khoản 2 Điều 9 hợp đồng tín dụng, vì vậy ngày 24/12/2018 Ngân hàng đã khởi kiện ra Tòa án yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị N và anh T thanh toán trả toàn bộ số tiền vay còn nợ theo hợp đồng tín dụng 8807 LAV 2018 01967 là 197.000.000 đồng và tiền lãi là 4.137.000 đồng.

Sau khi nộp đơn khởi kiện, ngày 27/12/2018 anh T thanh toán được thêm 5.000.000 đồng, vì vậy tại bản tự khai ngày 03/01/2019 và 07/01/2019 Ngân hàng thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị N và anh T phải liên đới thanh toán trả toàn bộ số tiền vay còn nợ theo hợp đồng tín dụng 8807 LAV 2018 01967 ngày 23/8/2018 với số nợ gốc là 192.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị N anh T phải trả nợ cụ thể như sau: Nợ gốc: 192.000.000 đồng; Tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử là 12.315.333 đồng (trong đó lãi trong hạn là: 11.706.333 đồng, lãi quá hạn là 609.000 đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử là: 204.315.333 đồng.

Đề nghị giải quyết buộc anh chị phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay. Trường hợp anh chị không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đề nghị được xử

lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số 8807-LCL- 201801708 ngày 20/8/2018.

Sau khi thụ lý vụ án, do chị Phạm Thị Hồng N vắng mặt tại địa phương và giấu địa chỉ nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản không tống đạt được, xác minh sự vắng mặt của đương sự và thực hiện thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng.

Tại bản tự khai ngày 11/02/2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Công T trình bày: Anh xác nhận sự việc chị N vay vốn Ngân hàng và quá trình trả nợ như nội dung Ngân hàng khởi kiện anh chị là đúng. Anh chị đã được thông báo về việc thanh toán nợ quá hạn nhưng do không có tiền nên anh chị không trả nợ được, hiện nay chị N đã đi vắng và giấu không cho anh biết địa chỉ nhưng anh vẫn liên lạc được với chị và đã thông báo cho chị về việc Ngân hàng khởi kiện. Anh nhất trí sẽ có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng, nếu anh chị không thanh toán được và Ngân hàng có yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm thì anh cũng nhất trí.

Ngày 01/3/2019 Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, kết quả như sau: Thửa đất 27a tờ bản đồ P1-1 tại Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai đã được ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai cấp quyền sử dụng đất cho anh Trần Công T và chị Phạm Thị Hồng N, nguồn gốc đất là nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị H ngày 09/12/2016. Tổng diện tích thửa đất là 59,8m^2 trong đó 55m^2 đất ở và 4,8m^2 đất vườn. Tài sản trên đất có 01 nhà xây cấp IV lợp tôn xốp diện tích xây dựng 59,8m^2. Đất và tài sản trên đất không có tranh chấp với các hộ liền kề. Ngân hàng và anh T nhất trí với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ không có ý kiến gì.

Đối với vụ án này, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do chị N và anh T đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc giải quyết xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có mặt theo triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 288, 299, 317, 318, 320, 323, 463, 466 Bộ luật dân sự và Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc bà Phạm Thị Hồng N và ông Trần Công T phải liên đới thanh toán số tiền vay tại hợp đồng tín dụng số 8807-LAV-201801967 ngày 23/8/2018, số tiền vay 192.000.000đ. Buộc bà Phạm Thị Hồng N và ông Trần Công T phải liên đới

thanh toán toàn bộ số tiền lãi vay tại Hợp đồng tín dụng số 8807-LAV-2018010967 ngày 23/8/2018 là 12.315.333đ. Trường hợp bà Phạm Thị Hồng N và ông Trần Công T không phối hợp để trả nợ đề nghị buộc vợ chồng bà Phạm Thị Hồng N và ông Trần Công T thực hiện nghĩa vụ bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8807-LCL-201801708 ngày 20/8/2018 đối với các khoản vay nói trên. Ngân hàng N được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự theo đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng N khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với chị Phạm Thị Hồng N địa chỉ tại Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. Theo hợp đồng, Ngân hàng cho chị N vay tiền mục đích để thanh toán tiền mua vật liệu xây dựng bếp và công trình phụ của gia đình. Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai thụ lý giải quyết vụ án dân sự là đúng quy định theo Điều 26, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Phạm Thị Hồng N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Công T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, hội đồng xét xử khẳng định hợp đồng tín dụng số 8807-LAV -2018 01967 ngày 23/8/2018 giữa Ngân hàng với chị N được giao kết hợp pháp, phù hợp với quy định tại các Điều 117, 118, 119 Bộ luật dân sự 2015. Điều kiện cho vay, mức cho vay, hồ sơ vay vốn phù hợp Điều 21, 23, 30 quy chế số 226/QĐ-HĐTV-TD của Ngân hàng N về việc cho vay đối với khách hàng trong hệ thống Ngân hàng N.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy Ngân hàng đã thực hiện đúng cam kết giải ngân và chị N đã nhận nợ số tiền 200.000.000 đồng của Ngân hàng vào ngày 23/8/2018. Căn cứ vào các chứng từ giao dịch, nhận thấy kỳ đầu tiên ngày 28/9/2018 chị N thanh toán đúng theo thỏa thuận số tiền gốc là 3.000.000 đồng và tiền lãi, từ ngày 28/10/2018 chị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, sau khi Ngân hàng nộp đơn khởi kiện, ngày 27/12/2018 anh chị thanh toán 5.000.000 đồng, còn dư nợ 192.000.000 đồng. Từ đó đến nay anh chị không thanh toán trả nợ cho Ngân hàng theo đúng định kỳ, vi phạm nghĩa vụ đã thỏa thuận tại điểm đ khoản 2 Điều 9 của hợp đồng. Căn cứ Khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Ngân hàng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước thời hạn.

Mặc dù chủ thể tham gia kí kết hợp đồng với Ngân hàng là chị N, tuy nhiên chị N và anh T là vợ chồng hợp pháp, mục đích chị N vay tiền là để thanh toán tiền mua vật liệu xây dựng bếp và công trình phụ của gia đình, anh T đã ủy quyền cho chị N tham gia ký kết hợp đồng tín dụng. Bên cạnh đó chị N và anh T đều tự nguyện thế

chấp tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 27a tờ bản đồ P1-1 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình, anh chị phải có nghĩa vụ trả nợ chung.

Từ các lập luận trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc chị N và anh T liên đới trả nợ số tiền vay 192.000.000 đồng.

[4]. Về tiền lãi, xét thấy thỏa thuận về lãi suất của các bên phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, hội đồng xét xử xác định từ ngày 28/10/2018 đến nay chị N chưa thanh toán tiền lãi vay. Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc chị N và anh T phải thanh toán tiền lãi theo bảng kê tính lãi đã cung cấp cho Tòa án tạm tính đến ngày xét xử, cụ thể như sau: Lãi trong hạn: 11.706.333 đồng, lãi quá hạn: 609.000 đồng; tổng cộng lãi: 12.315.333 đồng.

Xét thấy phương pháp tính lãi và lãi suất theo đề nghị của Ngân hàng phù hợp với các nội dung hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận buộc anh chị phải liên đới trả tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử là 12.315.333 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị N và anh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[5]. Về tài sản thế chấp, theo hợp đồng thế chấp số 8807-LCL - 201801708 ngày 20/8/2018, anh T chị N thế chấp tài sản là thửa đất số 27a tờ bản đồ P1-1 địa chỉ tại Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai diện tích 75m^2 đã được Uỷ ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai cấp quyền sử dụng đất cho anh Trần Công T và chị Phạm Thị Hồng N. Hợp đồng được chứng thực tại Uỷ ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai và tài sản thế chấp đã đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền, vì vậy hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/3/2019, thửa đất số 27a tờ bản đồ P1-1 địa chỉ tại Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai có diện tích thực tế là 59,8m^2 (trong đó 55m^2 đất ở và 4,8m^2 đất vườn), đất đã được Uỷ ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai cấp quyền sử dụng đất cho anh Trần Công T và chị Phạm Thị Hồng N, đất không có tranh chấp, Ngân hàng và anh T nhất trí kết quả xem xét thẩm định. Theo biên bản xác định giá trị tài sản giữa các bên lập ngày 20/8/2018, tài sản thế chấp có giá trị 220.600.000 đồng, Ngân hàng cho vay có tài sản bảo đảm là 165.450.000 đồng, cho vay không có bảo đảm bằng tài sản là 34.550.000 đồng. Như vậy giá trị tài sản tại thời điểm thế chấp lớn hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm. Căn cứ Điều 293, 299 Bộ luật dân sự, yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp chị N và anh T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ là có căn cứ cần chấp nhận.

Ngoài ra trên thửa đất 27a có tài sản là 01 nhà xây cấp IV thuộc sở hữu của anh T và chị N, các bên thỏa thuận không xác định giá trị nhưng được xử lý khi xử lý

tài sản thế chấp. Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 325 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[6] Về án phí, chi phí tố tụng:

Về án phí, chị Phạm Thị Hồng N và anh Trần Công T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng, quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng đã nộp số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng, Ngân hàng tự nguyện chi phí và không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 293, 299, 320, 323 và Khoản 1 Điều 325 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc chị Phạm Thị Hồng N và anh Trần Công T phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng N số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng 8807-LAV-2018 01967 ngày 23/8/2018 là 192.000.000 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu đồng) và tiền lãi gồm lãi trong hạn 11.706.333 đồng (mười một triệu, bẩy trăm linh sáu ngàn, ba trăm ba mươi ba đồng), lãi quá hạn 609.000 đồng (sáu trăm linh chín ngàn đồng), tổng cộng tiền lãi là 12.315.333 đồng (mười hai triệu, ba trăm mười lăm ngàn, ba trăm ba mươi ba đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi là: 204.315.333 đồng (Hai trăm linh bốn triệu, ba trăm mười lăm ngàn, ba trăm ba mươi ba đồng). Nghĩa vụ theo phần được xác định như sau:

Chị Phạm Thị Hồng N phải thanh toán cho Ngân hàng N số tiền là 102.157.666 đồng (một trăm linh hai triệu, một trăm năm mươi bẩy ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó 96.000.000 đồng (chín mươi sáu triệu đồng) tiền nợ gốc và 6.157.666 đồng (sáu triệu, một trăm năm mươi bẩy ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng) tiền lãi.

Anh Trần Công T phải trả cho Ngân hàng N số tiền là 102.157.666 đồng (một trăm linh hai triệu, một trăm năm mươi bẩy ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó 96.000.000 đồng (chín mươi sáu triệu đồng) tiền nợ gốc và 6.157.666 đồng (sáu triệu, một trăm năm mươi bẩy ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị Phạm Thị Hồng N và anh Trần Công T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong

khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà chị Phạm Thị Hồng N và anh Trần Công T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

Trường hợp chị Phạm Thị Hồng N và anh Trần Công T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ của hợp đồng tín dụng 8807-LAV-2018 01967 ngày 23/8/2018 thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp số 8807 -LCL - 201801708 ngày 20/8/2018. Tài sản được quyền xử lý là thửa đất số 27a tờ bản đồ P1-1 diện tích 59,8m^2 tại Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai, đất được Ủy ban nhân dân huyện Bảo Thắng cấp quyền sử dụng đất cho anh Trần Công T và chị Phạm Thị Hồng N theo giấy chứng nhận số CH 00086 ngày 14/10/2010. Trên đất có 01 nhà xây cấp IV diện tích xây dựng 59,8m^2.

Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng N và anh Trần Công T mỗi người phải chịu 5.107.800 đồng (năm triệu, một trăm linh bẩy ngàn, tám trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.028.400 đồng (năm triệu, không trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm đồng) theo biên lai số 0007828 ngày 03/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện BT (2);
- Đương sự (03);
- Chi cục THADS BT;
- Lưu HS, TA, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Thị Thu Hằng